

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐỨC HÒA
TỈNH LONG AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 19/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 20 - 02 - 2020.

V/v “Ly hôn,
tranh chấp về cấp dưỡng”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐỨC HÒA, TỈNH LONG AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Kim Thành.

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Nguyễn Thị Rạt

Ông Nguyễn Thanh Hoàng

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Huỳnh Như – là Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa, tỉnh Long An.

Ngày 20 tháng 02 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 1222/2019/TLST-HNGĐ ngày 08 tháng 12 năm 2019 về việc “Ly hôn, tranh chấp về cấp dưỡng nuôi con chung” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 23/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 05 tháng 02 năm 2020 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh Trần Thanh H (T), sinh năm 1978. (có mặt)

Địa chỉ: Ấp M, xã A, huyện C, thành phố Hồ Chí Minh.

- Bị đơn: Chị Lê Thị N, sinh năm 1973. (có mặt)

Địa chỉ (thường trú): Ấp M, xã A, huyện C, thành phố Hồ Chí Minh.

Tạm trú: Ô 7, khu B, thị trấn N, huyện Đ, tỉnh Long An.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn xin ly hôn ngày 05 tháng 12 năm 2019 và những lời khai tiếp theo cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn anh Trần Thanh H trình bày: Anh và chị Lê Thị N chung sống với nhau vào năm 2000, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã A, huyện C, thành phố Hồ Chí Minh vào năm 2006. Cuộc sống vợ chồng hạnh phúc đến năm 2014 thì phát sinh mâu thuẫn; nguyên nhân mâu thuẫn là do cuộc sống vợ chồng không hợp, bất đồng quan điểm sống, anh chị thường xuyên

cãi nhau. Anh chị đã ly thân từ năm 2015 đến nay. Nay nhận thấy tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn, cuộc sống hôn nhân không thể tiếp tục nên anh yêu cầu ly hôn chị Lê Thị N.

Về con chung: Anh chị có 02 con chung tên Trần Thị Thanh T, sinh ngày 24/12/2002 và Trần Thị Thanh T1, sinh ngày 22/3/2006. Khi ly hôn, anh H đồng ý để chị N nuôi hai con chung. Anh cấp dưỡng nuôi con chung Trần Thị Thanh T1 mỗi tháng 700.000 đồng cho đến khi con đủ 18 tuổi.

Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn chị Lê Thị N trình bày trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa: Chị thống nhất với lời trình bày của anh Trần Thanh H về thời gian chung sống; điều kiện kết hôn; và con chung. Nay anh H kiên quyết xin ly hôn, chị đồng ý, vì mâu thuẫn vợ chồng không thể khắc phục được.

Về con chung: Khi ly hôn, chị yêu cầu được nuôi 02 con chung là Trần Thị Thanh T, sinh ngày 24/12/2002 và Trần Thị Thanh T1, sinh ngày 22/3/2006. Chị không yêu cầu cấp dưỡng đối với con chung Trần Thị Thanh T, đối với con chung Trần Thị Thanh T1 chị yêu cầu cấp dưỡng mỗi tháng 1.000.000 đồng, nhưng yêu cầu anh H cấp dưỡng một lần, chị không đồng ý cấp dưỡng mỗi tháng.

Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, chị N đồng ý với mức cấp dưỡng là 700.000 đồng mỗi tháng cho con chung Trần Thị Thanh T1 nhưng vẫn giữ yêu cầu cấp dưỡng một lần, không đồng ý cấp dưỡng hàng tháng.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã thực hiện các thủ tục mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải. Các đương sự đều thống nhất các chứng cứ của vụ án đã được giao nộp đầy đủ và được công khai đúng thủ tục nhưng kết quả hòa giải đoàn tụ không thành.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên Tòa, căn cứ các kết quả xét hỏi tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Anh Trần Thanh H khởi kiện yêu cầu được ly hôn với chị Lê Thị N; chị Lê Thị N có tạm trú tại Ô 7, khu B, thị trấn N, huyện Đ, tỉnh Long An và hiện đang có mặt tại địa phương nên Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa thụ lý giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa, nguyên đơn, bị đơn có mặt nên Tòa án tiến hành xét xử vụ án là phù hợp theo quy định tại khoản 1 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2]. Về quan hệ hôn nhân: Anh Trần Thanh H và chị Lê Thị N chung sống với nhau vào năm 2000 có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã A, huyện C, thành phố Hồ Chí Minh nên hôn nhân giữa anh chị là hôn nhân hợp pháp theo quy định tại Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[3]. Xét thấy, anh Trần Thanh H và chị Lê Thị N đều trình bày trong quá trình chung sống, cuộc sống vợ chồng có phát sinh mâu thuẫn nhưng mâu thuẫn lại không được gia đình hai bên và chính quyền địa phương giải quyết. Anh chị cũng không thể tự khắc phục được dẫn đến sống ly thân từ năm 2015. Từ khi sống ly thân đến nay và tại phiên tòa, anh Trần Thanh H và chị Lê Thị N đều trình bày tình cảm vợ chồng đã rạn nứt, không thể hàn gắn tình cảm vợ chồng. Anh Trần Thanh H yêu cầu ly hôn, chị Lê Thị N đồng ý.

Từ phân tích trên, thấy rằng hôn nhân giữa anh H và chị N đã mâu thuẫn trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, cuộc sống vợ chồng không còn hạnh phúc, do đó, yêu cầu xin ly hôn của anh H đối với chị N là có căn cứ, phù hợp với Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4]. Về con chung: Anh Trần Thanh H và chị Lê Thị N thống nhất có 02 con chung tên Trần Thị Thanh T, sinh ngày 24/12/2002 và Trần Thị Thanh T1, sinh ngày 22/3/2006. Anh Trần Thanh H và chị Lê Thị N thống nhất chị Lê Thị N được quyền tiếp tục nuôi dưỡng 02 con chung. Xét thấy, thỏa thuận này là phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[5]. Về cấp dưỡng:

Đối với con chung Trần Thị Thanh T, chị Lê Thị N không yêu cầu anh Trần Thanh H cấp dưỡng nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Đối với con chung Trần Thị Thanh T1, chị Lê Thị N yêu cầu anh Trần Thanh H cấp dưỡng nuôi con chung một lần với mức cấp dưỡng mỗi tháng 700.000 đồng từ tháng 02/2020 đến khi con chung đủ 18 tuổi, anh Trần Thanh H không đồng ý cấp dưỡng một lần, đồng ý cấp dưỡng mỗi tháng 700.000 đồng.

Cha mẹ không trực tiếp nuôi con phải có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con, do đó anh Trần Thanh H có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con là phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 82 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, chị Lê Thị N yêu cầu anh Trần Thanh H cấp dưỡng một lần để nuôi con chung Trần Thị Thanh T1; anh Trần Thanh H không đồng ý vì anh không có khả năng để cấp dưỡng một lần. Xét thấy, hiện nay anh H làm công nhân, thu nhập mỗi tháng vừa đủ để đảm bảo nhu cầu thiết yếu của cuộc sống và cấp dưỡng mỗi tháng cho con chung, việc buộc cấp dưỡng một lần toàn bộ số tiền cấp dưỡng sẽ không phù hợp với thu nhập thực tế của anh H; mặt khác, việc anh H cấp dưỡng hàng tháng cho con chung vẫn đảm bảo được nhu cầu thiết yếu cho con chung; trong trường hợp không đảm bảo được nhu cầu thiết yếu cho con chung, chị N có quyền yêu cầu thay đổi mức cấp dưỡng, việc buộc cấp dưỡng một lần là không cần thiết. Do đó, Hội đồng xét xử không chấp

nhận yêu cầu cấp dưỡng một lần của chị Lê Thị N là phù hợp với Điều 117 Luật Hôn nhân và gia đình.

[6]. Về tài sản chung: Anh Trần Thanh H và chị Lê Thị N thống nhất trình bày không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[7]. Về nợ chung: Anh Trần Thanh H và chị Lê Thị N thống nhất trình bày không có nên Hội đồng xét xử không xem xét

[8]. Về án phí: Anh Trần Thanh H phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm và án phí cấp dưỡng nuôi con chung theo điểm a khoản 5 và điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, 273, 483, Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 9, 56, 81, 82, 83, 84, 110, 116, 117 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014;

Căn cứ vào điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của anh Trần Thanh H đối với chị Lê Thị N về việc “Ly hôn”.

Anh Trần Thanh H được ly hôn với chị Lê Thị N.

2. Về con chung: Chị Lê Thị N được quyền tiếp tục nuôi dưỡng 02 con chung tên Trần Thị Thanh T, sinh ngày 24/12/2002 và Trần Thị Thanh T1, sinh ngày 22/3/2006. Anh Trần Thanh H có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung Trần Thị Thanh T1 mỗi tháng 700.000đồng (Bảy trăm ngàn đồng); thời gian cấp dưỡng được tính từ tháng 02/2020 cho đến khi con chung đủ 18 tuổi. Anh Trần Thanh H không phải cấp dưỡng đối với con chung Trần Thị Thanh T vì chị Lê Thị N không có yêu cầu.

Cả hai bên đều có quyền và nghĩa vụ đối với con chung. Bên không nuôi con được quyền tới lui, thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được quyền ngăn cản. Trường hợp bên không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung thì bên trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con theo quy định pháp luật. Bên trực tiếp nuôi con

cùng các thành viên trong gia đình không được quyền cản trở bên không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung.

Khi cần thiết, trên cơ sở lợi ích của con chung thì bên trực tiếp nuôi con, bên không trực tiếp nuôi con, cơ quan, tổ chức và cá nhân có thẩm quyền có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi người nuôi con, mức cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

3. Về án phí: Anh Trần Thanh H phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình và 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con chung sung Ngân sách Nhà nước nhưng được khấu trừ 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai thu số 0004161 ngày 05/12/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đức Hòa, tỉnh Long An để thi hành, anh Trần Thanh H phải nộp tiếp 300.000 đồng.

Án xử sơ thẩm và tuyên án công khai, nguyên đơn, bị đơn có mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Dương sự;
- TAND tỉnh Long An;
- VKSND huyện Đức Hòa;
- UBND xã A, huyện C, thành phố Hồ Chí Minh;
- Chi cục THADS huyện Đức Hòa;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀN**

(Đã ký)

Trần Thị Kim Thanh